TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03/3/2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Châu

2. Ông Nguyễn Văn Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 526/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 9b/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2023:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: Số 189B, Ấp 2, xã P, huyện B, tỉnh Long An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Số 189B, Ấp 2, xã P, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bé B trình bày: Bà quen biết với ông T rồi được hai gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào năm 2013. Sau khi cưới, cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ đó đến nay vợ chồng không sống chung nhà, không liên lạc. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung, có 01 con chung tên Đặng Lê Minh Hiếu, sinh ngày 14/6/2021, hiện đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải, để các bên đương sự thỏa thuận giải quyết các tranh chấp trong vụ án, nhưng ông T không đến mặc

dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt không lý do, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bé B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Minh T. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên ông T không đến. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ cũng như lời trình bày của bà Bé B để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu ly hôn của bà Bé B, xét thấy: Bà Bé B và ông T quen biết và được hai gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào ngày 16/8/2013, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2013. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bé B và ông T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ đó đến nay vợ chồng không sống chung nhà, không liên lạc. Do đó, có cơ sở cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Bé B và ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Bé B yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ly hôn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống có có 01 con chung tên Đặng Lê Minh Hiếu, sinh ngày 14/6/2021. Hiện nay, cháu Hiếu đang sống chung với bà Bé B, cháu phát triển tốt. Bà Bé B đủ khả năng tài chính cũng như thời gian để chăm sóc cháu Hiếu. Sau khi ly hôn bà Bé B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông T không có mặt để nêu ra ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Hiếu cho bà Bé B nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bé B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà Bé B nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bé B không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung, đương sự có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Bé B là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bé B với ông Đặng Minh T.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bé B được ly hôn với ông Đặng Minh T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Lê Minh Hiếu, sinh ngày 14/6/2021 cho bà Lê Thị Bé B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé B phải chịu 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Bé B đã nộp là 300.000 đồng (B trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 00012236 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Bé B đã nộp xong.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA-DS huyện Bến Lức;
- UBND NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thu